

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**  
Bản án số: 29/2019/HSST  
Ngày 12-7-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hồng Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Văn Hòe và ông Phạm Xuân Đức

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Đình Hưng – Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà:** Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

**ĐỖ VĂN N**, sinh năm 1987 tại Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đỗ Văn P và bà Lê Thị L (*đều đã chết*); có vợ là Trần Thị Kiều T, sinh năm 1992 và có 02 con (sinh năm 2009 và 2014); tiền án: 01 (*Bản án số 101/2017/HSST ngày 22/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 01 năm tù, đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích*); tiền sự: 01 (*ngày 8/8/2017 bị Công an huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp số tiền 1.500.000đ, chưa nộp phạt*); bị tạm giam từ ngày 03/4/2019 - có mặt.

*Bị hại:* Anh Giàng Seo B, sinh năm 1992 và chị Thảo Thị C, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

ĐỖ VĂN N có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đầu năm 2019, N đến làm thuê cho người dân tại địa bàn xã Q, huyện K'R, tỉnh Đắk Nông.

Khoảng 13 giờ ngày 31/3/2019, N đi nhờ xe mô tô của người đi đường từ chỗ làm thuê để về thăm nhà; khoảng 15 giờ 30 phút đến Thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do người cho đi nhờ xe rẽ hướng khác nên N xuống xe đi bộ. Sau đó, N đi đến đoạn đường đất thuộc thôn 6, xã Q thì nhìn thấy chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 49T3-5389, nhãn hiệu Fimex, loại Wave RSX, màu đỏ đen của vợ chồng anh Giàng Seo B, chị Thảo Thị C đang dựng ở lề đường nhìn xung quanh không có ai N đi đến bên chiếc xe, dùng tay phải tháo dây ổ khóa điện đề nổ máy xe thì bị chị C phát hiện và tri hô nên N bỏ chạy.

Ngày 01/4/2019, N bị người dân phát hiện và đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, sau đó bị bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản 08/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 49T3-5389 trị giá 9.295.834 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô (*biển kiểm soát 49T3-5389, nhãn hiệu Fimex, loại Wave RSX, màu đỏ đen*). Ngày 31/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong ra quyết định xử lý vật chứng số 61, trả lại cho chủ sở hữu; 01 đôi dép đã cũ của N bỏ lại.

Cáo Trạng số 34/CT-VKS, ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ, hành vi phạm tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; cần chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra quyết định xử lý vật chứng số 61 trả lại chiếc trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu Giàng Seo B và chị Thảo Thị C; tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép đã cũ (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ) của bị cáo bỏ lại; về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và xin hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong; Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa

bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý, qua đó xác định: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/3/2019, tại Thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Đỗ Văn N đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 49T3 – 5389 của vợ chồng anh Giàng Seo B và chị Thảo Thị C, mặc dù đã tháo được ổ khóa điện nhưng chưa kịp nổ máy chạy thì bị chị C phát hiện. Chiếc xe có trị giá 9.295.834 đồng. Do vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đỗ Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

### **Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được trả lại cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành do vậy cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Cần chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra quyết định xử lý vật chứng số 61 trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu là anh Giàng Seo B và chị Thảo Thị C; tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép đã cũ (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ) của bị cáo không còn giá trị sử dụng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” chưa đạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2019.

**2. Về vật chứng:** Căn cứ điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra quyết định xử lý vật chứng số 61 trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu là anh Giàng Seo B và chị Thảo Thị C; tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép đã cũ (*có đặc điểm như trong biên bản thu giữ*) của bị cáo không còn giá trị sử dụng.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

*Quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Lê Thị Hồng Nhung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

